

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST

Ngày: 16/10/2023.

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN – TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Trung.
2. Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2023/TLST - DS ngày 01 tháng 8 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số: 16/2023/TB-TA ngày 29/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1960.

Cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Danh T, sinh năm 1958.

Cư trú: 73 Trần P, Khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979.

Cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2023 và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Danh T trình bày: Do quen biết nhau nên ngày 09/7/2018 bà C có cho chị L mượn 14.000.000 đồng, sau đó chị L mượn thêm của bà C 6.000.000 đồng thể hiện chung trong giấy mượn tiền 09/7/2018 thành 20.000.000 đồng (hẹn trong vòng 6 tháng trả); Ngày 24/7/2018 bà C cho chị L mượn thêm 7.000.000 đồng, hẹn đến ngày 24/01/2019 sẽ trả, tổng các lần mượn là **27.000.000 đồng**. Tuy nhiên, từ khi mượn tiền đến nay chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay tôi yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà C số tiền **21.000.000** đồng tiền gốc, tôi không yêu cầu tính lãi. Đối với khoản tiền 6.000.000 đồng chị L mượn thêm thể hiện giấy mượn tiền ngày 09/7/2018 tôi không yêu cầu chị L trả nợ, vì chứng cứ không cụ thể.

Bị đơn chị L vắng mặt nhiều lần, không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị C khởi kiện chị Nguyễn Thị L cư trú tại: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên “ Về việc tranh chấp đòi lại tài sản ”. Đây là tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, tuy nhiên bị đơn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ- HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối C hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi thì không áp dụng thời hiệu đối với tranh chấp về đòi lại tài sản do người khác chiếm hữu, quản lý. Do đó việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp về đòi lại tài sản không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4]. Về nội dung tranh chấp: Ngày 09/7/2018 bà C cho chị L mượn 14.000.000 đồng, sau đó chị L mượn thêm 6.000.000 đồng thành 20.000.000 đồng (hẹn trong vòng 6 tháng trả); Ngày 24/7/2018 bà C cho chị L mượn thêm 7.000.000 đồng, hẹn đến ngày 24/01/2019 sẽ trả, tổng các lần mượn là 27.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi mượn tiền đến nay chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Danh T yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà C **21.000.000 đồng**, không yêu cầu tính lãi. Đối với khoản tiền 6.000.000 đồng chị L mượn thêm của bà C thể hiện giấy mượn tiền ngày 09/7/2018 tôi không yêu cầu chị L trả nợ, vì chứng cứ không cụ thể.

[5]. Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 09/7/2018 thể hiện chị L có mượn của bà C 14.000.000 đồng và giấy mượn tiền lập ngày 24/7/2018 thể hiện chị L có mượn của bà C 7.000.000 đồng, do nguyên đơn cung cấp thể hiện chữ viết và chữ ký của người mượn tiền là chị Nguyễn Thị L, chứng tỏ nguyên đơn và bị đơn có giao dịch dân sự vay mượn tiền là có thật, nên được xem là chứng cứ của vụ án theo quy định tại điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà C số tiền gốc 21.000.000 đồng, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Danh T không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

Đối với khoản tiền 6.000.000 đồng chị L mượn thêm của bà C thể hiện chung trong giấy mượn tiền ngày 09/7/2018, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền ông Trần Danh T không yêu cầu chị L trả nợ nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 332 Bộ luật dân sự 2015.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà Phạm Thị C 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu 1.050.000 đồng án phí DSST.

Hoàn lại cho nguyên đơn bà C 675.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: 09689 ngày 01/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình